TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**
Số: 61/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 14 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Phan Đức P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

Tạm trú: Tổ 1, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh T;

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Cháu Phan Đức P, sinh ngày 21/02/2006;

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

Tạm trú: Tổ 1, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh T;

+ Cháu Phan Đức A, sinh ngày 28/11/2013;

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

Địa chỉ hiện nay: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh H;

Đại diện hợp pháp của cháu P, cháu Đức A: Anh Phan Đức P và chị Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/9/2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/9/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phan Đức P và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đức P và chị Nguyễn Thị N nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Anh Phan Đức P và chị Nguyễn Thị N xác nhận vợ chồng có 03 con chung là các cháu Phan Anh Q, sinh ngày 06/02/2004, Phan Đức P, sinh ngày 21/02/2006, Phan Đức A, sinh ngày 28/11/2013. Ly hôn, anh P và chị N thỏa thuận thống nhất giao cháu P cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; giao cháu Đức A cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi. Anh P và chị N thỏa thuận do mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Đối với cháu Q đã trưởng thành, tự lập được nên anh P và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Phan Đức P và chị Nguyễn Thị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Phan Đức P và chị Nguyễn Thị N xác định anh chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Anh Phan Đức P và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận thống nhất anh P tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn Nng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006159 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H; anh P đã nộp đủ án phí. Hoàn trả anh Phan Đức P 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND TT T, GCNKH số 16/2003;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q